

Số: 353/TTr-HĐQT-SPLT

Phủ Thọ, ngày 25 tháng 05 năm 2020

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

V/v: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019; phương án phân phối lợi nhuận năm 2019; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; Thù lao HĐQT, BKS Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua các vấn đề sau:

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2019, PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2019

1. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019:

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định, được Ban Kiểm soát Công ty kiểm tra và đã được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao công bố theo quy định đồng thời được đăng tải trên website: www.supelamthao.vn bao gồm:

- (1) Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
- (2) Báo cáo kiểm toán độc lập;
- (3) Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2019;
- (4) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019;
- (5) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019;
- (6) Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | Giá trị (đồng) |
|-----|--|-------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 3.028.880.851.590 |
| 2 | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.849.052.897.312 |
| 3 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 9.417.495.375 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 12.293.531.226 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | 2.411.007.949 |
| 6 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 19,65 |
| 7 | Nộp ngân sách Nhà nước | 41.809.418.408 |

2. Phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2019:

| Stt | Chỉ tiêu | Giá trị (đồng) |
|-----|---|--------------------|
| 1 | Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang năm nay | 973.412.581 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 | 2.411.007.949 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay chuyển sang năm sau | 2.650.439.099 |
| 4 | Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (=1+2-3) | 733.981.431 |
| 5 | Trích lập các quỹ | 433.981.431 |
| | - Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ: 0% | 0 |
| | - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 8% LNST 2019 | 192.880.636 |
| | - Quỹ đầu tư phát triển: 10% LNST 2019 | 241.100.795 |
| 6 | Thưởng Ban quản lý điều hành | 0 |
| 7 | Thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành | 300.000.000 |
| 8 | Chia cổ tức năm 2019 (tỷ lệ%) | 0 |

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho HĐQT công ty chỉ đạo thực hiện việc phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua một số chỉ tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Giá trị |
|-----|--|-------------|---|
| 1 | Sản lượng sản xuất phân bón | Tấn | 983.000 |
| 2 | Sản lượng sản xuất Axit | Tấn | 190.000 |
| 3 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | Triệu đồng | 3.140.000 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 56.000 |
| 5 | Nộp ngân sách nhà nước | Triệu đồng | 41.478 |
| 6 | Cổ tức | % | ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định mức cổ tức và thực hiện chi trả phù hợp với kết quả SXKD trong năm |

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo triển khai hoạt động kinh doanh, quyết định mức tạm ứng cổ tức năm 2020 và thực hiện thủ tục chi trả tạm ứng cổ tức cho các cổ đông phù hợp với sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty.

III. THÙ LAO HĐQT, BKS, NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY, TỔ THƯ KÝ NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020

1. Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, mức chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị công ty và Tổ thư ký công ty đã thực hiện năm 2019 như sau:

| Stt | Họ và tên | Chức danh | Mức thù lao tháng (đồng) | Tổng tiền thù lao năm |
|------------|---|---|--------------------------|-----------------------|
| I | Hội đồng Quản trị | | | 504.000.000 |
| 1 | Ông Đỗ Quốc Hội | Chủ tịch HĐQT | 10.000.000 | 120.000.000 |
| 2 | Ông Phạm Quang Tuyền | Thành viên | 8.000.000 | 96.000.000 |
| 3 | Ông Nguyễn Khang | Thành viên | 8.000.000 | 96.000.000 |
| 4 | Ông Nguyễn Thành Công | Thành viên | 8.000.000 | 96.000.000 |
| 5 | Ông Bùi Sơn Hải | Thành viên | 8.000.000 | 96.000.000 |
| II | Ban Kiểm soát | | | 168.000.000 |
| 1 | Ông Nguyễn Chí Thúc | Trưởng BKS | Trả lương chuyên trách | |
| 2 | Ông Nguyễn Văn Thọ | Kiểm soát viên | 7.000.000 | 84.000.000 |
| 3 | Ông Vi Hoàng Sơn | Kiểm soát viên | 7.000.000 | 84.000.000 |
| III | Thư ký Công ty, Người phụ trách Quản trị Công ty | | | 144.000.000 |
| 1 | Ông Nguyễn Quốc An | Người phụ trách Quản trị Công ty; Tổ trưởng Tổ thư ký | 7.000.000 | 84.000.000 |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Thúy Hà | Thành viên | 5.000.000 | 60.000.000 |
| | TỔNG CỘNG | | | 816.000.000 |

2. Kế hoạch mức thù lao thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2020 như sau:

| Stt | Chức danh | Mức thù lao (đồng/ tháng) |
|-----|----------------------|---------------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 6.000.000 |
| 2 | Thành viên HĐQT | 5.000.000 |
| 3 | Trưởng Ban kiểm soát | Trả lương chuyên trách |
| 4 | Kiểm soát viên | 4.000.000 |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty thông qua.
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đỗ Quốc Hội